



PHỤ LỤC 1

XÁC ĐỊNH TUỔI¹ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH (Kèm theo Hướng dẫn số 06 -HD/BTCTU, ngày 24 /7/2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

I. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1. Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2030 - 2035, 2031 - 2036

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2030 - 2035, 2031 - 2036	
	Nam	Nữ
Xã, phường	Sinh từ tháng 7/1973 trở lại đây	Sinh từ tháng 7/1975 trở lại đây ²
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1973 trở lại đây ³	Sinh từ tháng 9/1975 trở lại đây ⁴

2. Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2031 - 2036

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp (cùng một thời điểm)	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2031 - 2036	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 3/1974 trở lại đây ⁵	Sinh từ tháng 3/1976 trở lại đây ⁶

¹ Lưu ý: (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

² Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 7/1975, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định số 135 là 60 tuổi - 55 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 7/2030) = 5 năm công tác.

³ Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 9/1973, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định số 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2030) = 5 năm công tác.

⁴ Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1975, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định số 135 là 60 tuổi - 55 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2030) = 5 năm công tác.

⁵ Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 3/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định số 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 3/2031) = 5 năm công tác.

⁶ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 3/1976, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định số 135 là 60 tuổi - 55 tuổi (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 3/2026) = 5 năm công tác.

3. Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương nhiệm kỳ 2031 - 2036

Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2030 - 2035 thực hiện theo hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương.

II. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 23, Quy định số 02-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó độ tuổi nghỉ hưu của cán bộ thực hiện theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ, cụ thể: Nam là 62 tuổi, Nữ là 60 tuổi.

III. Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại Hướng dẫn. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.
